TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 327 /2019 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 25 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 340/2019/TLST/HNGĐ ngày 5 tháng 11 năm 2019, giữa:

Chị Quách Thị H, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã Triệu T, huyện Tr, Th.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã Xuân T, huyện N, Th

Anh Hà Xuân H, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm 6, xã Triệu T, huyện Tr, T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.**Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Quách Thị H, sinh năm 1986

Anh Hà Xuân H1, sinh năm 1979

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị H và anh Hà Xuân H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung, tên các cháu là Hà Xuân T, sinh ngày 23/8/2005 và cháu Hà Thị N, sinh ngày 16/6/2007. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh H1. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cả cháu T và cháu N cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1.

Chị H được quyền đi lại chăm sóc con chung, anh H1 và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận chị H nộp toàn bộ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị H đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003746 ngày 5 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn, trả lại cho chị Hình 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu S
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- phòng Giám đốc án
- UBND xã Xuân Thọ huyện N
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy